

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	124850	1	BÙI QUỲNH ANH	03/10/2003	Nữ	9/1	7.25	5.5	4	1.5	29.5
2	124853	1	ĐOÀN LÊ NGỌC CÁT ANH	02/03/2003	Nữ	9/1	6.25	9	8.25	1.5	39.5
3	124865	2	NGÔ MINH QUỲNH ANH	11/05/2003	Nữ	9/1	7.25	7.5	7.75	1.5	39
4	124867	2	NGUY TỬ ANH	28/09/2003	Nữ	9/1	7.25	7.5	8	1	39
5	124910	4	NGUYỄN QUỐC BẢO	09/06/2003	Nam	9/1	7.25	7	7.25	1	37
6	124914	4	TRẦN HOÀNG THÁI BẢO	19/06/2003	Nam	9/1	6.5	4.75	6.75	0.5	31.75
7	124957	6	HUỶNH PHÁT ĐẠT	04/03/2003	Nam	9/1	6.5	6	5.75	1	31.5
8	124965	6	VÕ TẤN ĐẠT	13/01/2003	Nam	9/1	7.25	6.25	8.5	1	38.75
9	124986	7	BÙI XUÂN BẢO DUY	04/02/2003	Nam	9/1	8.5	9.25	7.25	1.5	42.25
10	124997	7	TRƯƠNG HOÀNG BẢO DUY	19/06/2003	Nam	9/1	6.5	8.5	5	1.5	33
11	125060	10	TRẦN ĐÌNH HOÀNG	20/06/2003	Nam	9/1	7	7.5	6.75	1.5	36.5
12	125082	11	HOÀNG NGHĨA HỮU	09/01/2003	Nam	9/1	7	6.75	7.25	1.5	36.75
13	125083	11	HUỶNH THIÊN HỮU	20/07/2003	Nam	9/1	6.5	6.25	6.25	2.5	34.25
14	125106	12	PHAN GIA HUY	03/10/2003	Nam	9/1	7.25	8.25	7.25	1.5	38.75
15	125112	12	BÙI QUÝ HỶ	08/08/2003	Nam	9/1	5.5	8.25	7.25	1.5	35.25
16	125132	13	NGUY NGỌC THỤY KHÁNH	26/06/2003	Nữ	9/1	6.25	7	5.75	1.5	32.5
17	125154	14	LƯƠNG TRUNG KIÊN	09/09/2003	Nam	9/1	7.75	7.25	7.25	1	38.25
18	125182	15	ĐÀO NGỌC THẢO LINH	19/12/2003	Nữ	9/1	5.75	5.5	5.25	0.5	28
19	125213	16	HOÀNG XUÂN MAI	11/11/2003	Nữ	9/1	7	5.75	4.75	1.5	30.75
20	125224	17	KIỀU QUỐC MINH	10/06/2003	Nam	9/1	7.75	7.5	7.75	1	39.5
21	125240	17	TRƯƠNG HOÀNG BẢO MINH	19/06/2003	Nam	9/1	7.25	7.75	8	1.5	39.75
22	125269	19	HOÀNG THỊ VÂN NGHI	23/04/2003	Nữ	9/1	7.5	6.25	5.25	1.5	33.25
23	125286	19	ĐẶNG HỮU BẢO NGỌC	28/05/2003	Nữ	9/1	7.75	7.75	7.5	1.5	39.75
24	125368	3	LÊ THỊ HUYỀN NINH	11/10/2003	Nữ	9/1	5.75	4.25	6.75	1.5	30.75
25	125403	4	TRẦN NGỌC GIA PHÚC	12/03/2003	Nam	9/1	7.25	6.75	6.75	1.5	36.25
26	125427	5	TRẦN NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	13/11/2003	Nữ	9/1	7	6.75	8	1.5	38.25
27	125477	7	NGUYỄN BUI QUỐC TÂN	16/10/2003	Nam	9/1	6.5	6.25	8.25	1.5	37.25
28	125495	8	LÊ TẤN THÀNH	13/05/2003	Nam	9/1	7.5	8	7.75	1	39.5
29	125523	9	LÊ HỒNG THƠ	05/04/2003	Nữ	9/1	6.25	7	8.5	1	37.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
30	125545	10	NGUYỄN MINH THU	02/04/2003	Nữ	9/1	6.5	7.25	8.5	1.5	38.75
31	125549	10	THAI HUỠNH MINH THU	29/08/2003	Nữ	9/1	6.5	5.5	4.25	1.5	28.5
32	125623	13	LƯƠNG BẢO TRÍ	23/11/2003	Nam	9/1	6	8.5	8.75	1	39
33	125658	15	NGUYỄN TỬ	08/07/2003	Nam	9/1	7	5.75	8	0.5	36.25
34	125721	17	TRẦN NGUYỄN THÚY VY	09/05/2003	Nữ	9/1	7.5	7	7	1.5	37.5
35	124880	2	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	21/10/2003	Nữ	9/2	7.75	7.75	8.5	1.5	41.75
36	124883	3	PHAN NGỖ NGỌC ANH	29/01/2003	Nữ	9/2	7.75	6.75	7	2.5	38.75
37	124886	3	TRẦN ĐẶNG TRÂM ANH	12/07/2003	Nữ	9/2	8.25	6.5	7.5	1.5	39.5
38	124933	5	LÊ TRẦN QUỲNH CHI	25/09/2003	Nữ	9/2	7	6.5	5.75	1.5	33.5
39	124937	5	NGUYỄN LÝ BỘI CƠ	21/10/2003	Nữ	9/2	7	6.25	7	1.5	35.75
40	124952	5	NGUYỄN CÔNG DANH	15/12/2003	Nam	9/2	6.5	6.25	5	1	30.25
41	125129	13	LẠI VĂN KHÁNH	04/07/2003	Nữ	9/2	7.25	8	6.75	2	38
42	125137	13	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM	07/05/2003	Nam	9/2	6.25	8.5	9.5	3	43
43	125168	14	HỒ NGỌC THIÊN KIM	17/01/2003	Nữ	9/2	7.25	7.5	5.75	1.5	35
44	125202	16	NGUYỄN THÊ LONG	05/10/2003	Nam	9/2	6.75	8.25	7.75	0.5	37.75
45	125215	16	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	23/10/2003	Nữ	9/2	8	6.25	6	1.5	35.75
46	125228	17	NGUYỄN HỒNG MINH	19/12/2003	Nữ	9/2	7	6.75	8	1.5	38.25
47	125235	17	TRẦN HỮU MINH	02/11/2003	Nam	9/2	7	6.75	7.5	1	36.75
48	125238	17	TRẦN QUANG MINH	13/09/2003	Nam	9/2	5.5	6	6.25	1.5	31
49	125243	18	KHÁ QUẾ MY	11/11/2003	Nữ	9/2	7.25	4.75	6	1.5	32.75
50	125289	19	ĐỖ TRẦN BẢO NGỌC	02/01/2003	Nữ	9/2	7.25	4	5.25	1	30
51	125292	20	LÊ HỒNG NHƯ NGỌC	26/07/2003	Nữ	9/2	7	4.75	6.25	1.5	32.75
52	125326	1	ĐỖ NGỌC YẾN NHI	12/03/2003	Nữ	9/2	7	7.5	5.25	1.5	33.5
53	125344	2	TRẦN HUỠNH NHI	08/11/2003	Nữ	9/2	7.25	6.5	6.75	1.5	36
54	125395	4	LÊ HOÀNG THIÊN PHÚC	31/07/2003	Nam	9/2	6.75	7	6.25	1.5	34.5
55	125437	6	TRẦN ĐẶNG MINH QUẢN	21/06/2003	Nam	9/2	6	6.75	5.25	1	30.25
56	125453	6	HOÀNG TỬ QUỲNH	02/07/2003	Nữ	9/2	7.5	7.75	8.5	1.5	41.25
57	125480	7	PHAN HỒNG TÂN	13/01/2003	Nam	9/2	7.5	6	7.25	1.5	37
58	125506	9	TRẦN VŨ THANH THAO	15/12/2003	Nữ	9/2	6.75	5.25	7	1.5	34.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
59	125539	10	LÊ NGỌC MINH THU	26/12/2003	Nữ	9/2	6.75	4.75	4.25	1.5	28.25
60	125541	10	LÊ THỊ HOÀNG THU	24/11/2003	Nữ	9/2	7	6.5	6.75	1	35
61	125542	10	LŨ MINH THU	04/03/2003	Nữ	9/2	4.5	6.25	7.25	2	31.75
62	125647	14	NGUYỄN HIẾU TRUNG	26/09/2003	Nam	9/2	6.25	6.5	8.5	1	37
63	125719	17	TRẦN HUYNH YẾN VY	21/11/2003	Nữ	9/2	7	5.5	8.75	1.5	38.5
64	124940	5	PHẠM CHÍ CÔNG	31/03/2003	Nam	9/3	4.25	1.75	2.75	1	16.75
65	124979	7	TÔ CHÂU TRÍ DŨNG	22/11/2003	Nam	9/3	7.25	5.5	6.5	1.5	34.5
66	124990	7	LONG NGUYỄN KHANG DUY	28/01/2003	Nam	9/3	4.25	6.25	4.75	0.5	24.75
67	125007	8	NGUYỄN ĐÔNG HẢI	23/08/2003	Nam	9/3	4.5	4	5	1.5	24.5
68	125008	8	NGUYỄN NAM HẢI	04/07/2003	Nam	9/3	5.75	4.25	5	1	26.75
69	125017	8	NGUYỄN HOÀNG NGỌC HÂN	06/11/2003	Nữ	9/3	7	4.25	7	1	33.25
70	125077	11	TRẦN PHÚC HÙNG	11/03/2003	Nam	9/3	4.5	5.75	5.75	1	27.25
71	125098	12	LÂM GIA HUY	02/05/2003	Nam	9/3	4.5	4.5	4.25	1.5	23.5
72	125110	12	VŨ QUỐC HUY	16/02/2003	Nam	9/3	5.25	5.25	5.5	1	27.75
73	125131	13	NGÔ QUỐC KHÁNH	02/01/2003	Nam	9/3	6.25	8	5.5	1	32.5
74	125147	14	VÕ MINH KHOA	03/07/2003	Nam	9/3	5.75	5.75	3.75	1.5	26.25
75	125153	14	ĐINH TRUNG KIÊN	22/07/2003	Nam	9/3	4.25	8.5	7	1.5	32.5
76	125163	14	PHẠM THẾ ANH KIẾT	03/06/2003	Nam	9/3	6.5	4.5	4	1	26.5
77	125208	16	NGUYỄN ĐẠT BỬU LUÂN	25/06/2003	Nam	9/3	6.75	6.75	6	1	33.25
78	125226	17	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC MINH	20/10/2003	Nữ	9/3	6.75	5.5	5	1.5	30.5
79	125252	18	NGUYỄN HỮU NGỌC NAM	16/07/2003	Nam	9/3	3	1.5	4.75	0	17
80	125257	18	TRẦN KHÁNH NAM	04/09/2003	Nam	9/3	6	3.75	6	1	28.75
81	125258	18	TRẦN THÀNH NAM	25/06/2003	Nam	9/3	4.75	6	5	1	26.5
82	125264	18	NGUYỄN HÀ KIM NGÂN	22/08/2003	Nữ	9/3	6.5	4	5.75	1.5	30
83	125303	20	LÊ ĐỨC NGUYỄN	26/06/2003	Nam	9/3	6.5	6.25	7	1	34.25
84	125341	2	PHẠM HOÀNG NGỌC NHI	25/08/2003	Nữ	9/3	7.25	6.25	6.25	1.5	34.75
85	125361	2	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	08/06/2003	Nữ	9/3	5.5	2.75	5.75	1	26.25
86	125383	3	ĐÀM THẾ PHONG	07/05/2003	Nam	9/3	7	8	5.25	1.5	34
87	125391	4	ĐÀO XUÂN PHÚC	17/09/2003	Nam	9/3	6.25	5	3.75	1.5	26.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
88	125392	4	HỒ HOÀNG PHÚC	02/08/2003	Nam	9/3	6	5.25	4.75	1.5	28.25
89	125415	5	LÊ HÀ PHƯƠNG	26/05/2003	Nữ	9/3	6.5	4.25	4	1.5	26.75
90	125421	5	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	02/01/2003	Nữ	9/3	6.25	3.75	4	1.5	25.75
91	125431	5	ĐẶNG QUỐC QUÂN	15/04/2003	Nam	9/3	3.5	7.75	3.75	0.5	22.75
92	125440	6	HUỲNH ĐỨC QUANG	21/11/2003	Nam	9/3	6.5	4	8.25	1.5	35
93	125498	8	CHÂU NGUYỆT THẢO	17/03/2003	Nữ	9/3	5	2.5	2.5	2.5	20
94	125505	8	TRẦN THANH THẢO	28/02/2003	Nữ	9/3	6.75	5	6	1	31.5
95	125511	9	TÔ HÙNG NHẬT THIÊN	26/04/2003	Nam	9/3	4	4.25	2.75	0.5	18.25
96	125574	11	NGUYỄN ĐÌNH THỦY TIÊN	05/10/2003	Nữ	9/3	5.75	3	3.5	1.5	23
97	125587	12	TRẦN TRUNG TÍNH	08/02/2003	Nam	9/3	4	5.25	2.25	1.5	19.25
98	125633	14	LÊ PHƯƠNG TRINH	27/04/2003	Nữ	9/3	6	3.5	3.75	1.5	24.5
99	125660	15	PHẠM HOÀNG TỬ	09/11/2003	Nam	9/3	4.25	7	3.75	0	23
100	125663	15	NGUYỄN ANH TUẤN	24/12/2003	Nam	9/3	5	4	2.5	1.5	20.5
101	125666	15	NGUYỄN HỮU THANH TÙNG	06/07/2003	Nam	9/3	3.5	5.25	1.75	0.5	16.25
102	125683	16	CAO HOÀNG BÍCH VÂN	24/02/2003	Nữ	9/3	6.5	4.75	3.75	1.5	26.75
103	125724	18	VÕ NGỌC LAN VY	06/10/2003	Nữ	9/3	6	5.75	5.5	0.5	29.25
104	125730	18	PHAN KIM XUYỀN	19/11/2003	Nữ	9/3	6	4.75	6.5	1.5	31.25
105	124834	1	PHÔNG KHẢ ÁI	16/12/2003	Nữ	9/4	5.5	1.75	3.25	1.5	20.75
106	124889	3	TRẦN THUY ANH	04/03/2003	Nữ	9/4	6.25	3.25	3	1.5	23.25
107	124912	4	PHẠM GIA BẢO	10/07/2002	Nam	9/4	6.25	5	4.5	1.5	28
108	124924	4	TRƯƠNG ÁI BÌNH	28/06/2003	Nữ	9/4	5	4.5	3	1.5	22
109	124927	4	NGUYỄN MINH CHÂU	07/12/2003	Nữ	9/4	5.5	2.75	6	1.5	27.25
110	124953	5	TRẦN VÕ ANH ĐÀO	17/10/2003	Nữ	9/4	6.5	4.75	4	1.5	27.25
111	124956	6	HUỲNH NGỌC TẤN ĐẠT	10/11/2003	Nam	9/4	6.25	3	3.75	1.5	24.5
112	124976	6	TRẦN VÕ ĐỨC	27/04/2003	Nam	9/4	3.25	1.5	3.5	1	16
113	124985	7	TRẦN THUY DƯƠNG	03/07/2003	Nữ	9/4	5.75	3.5	4.5	1.5	25.5
114	125012	8	LÊ HOÀNG BẢO HÂN	26/05/2003	Nữ	9/4	4	3	2.5	1.5	17.5
115	125050	10	TRẦN QUANG HIỆU	21/10/2003	Nam	9/4	5.75	3	3.5	1	22.5
116	125057	10	NGUYỄN ĐĂNG HUY HOÀNG	23/07/2003	Nam	9/4	5.25	4.25	7	0.5	29.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
117	125066	10	PHAN THỊ DIỄM HỒNG	03/01/2003	Nữ	9/4	4	3	2.25	2	17.5
118	125070	10	TRẦN VĂN HÙNG	03/03/2003	Nam	9/4	5.5	7.25	5	1.5	29.75
119	125084	11	HUỶNH TƯỜNG HỮU	07/09/2003	Nam	9/4	3.25	4.25	1	1.5	14.25
120	125093	11	HOÀNG GIA HUY	24/07/2003	Nam	9/4	1.5	4.25	0.25	0.5	8.25
121	125134	13	NGUYỄN THANH NAM KHÁNH	12/12/2003	Nam	9/4	5.75	6.75	7.5	1.5	34.75
122	125150	14	VŨ TRẦN ANH KHÔI	07/09/2003	Nam	9/4	4.75	3.5	4.75	0.5	23
123	125162	14	PHẠM HOÀNG KIỆT	02/09/2003	Nam	9/4	0	0	0	0	0
124	125178	15	PHẠM THÀNH LÊ	12/10/2003	Nam	9/4	3	4	2.75	1	16.5
125	125193	15	ĐỖ NGUYỄN TẤN LỘC	10/11/2003	Nam	9/4	6.25	6.25	3	0.5	25.25
126	125230	17	NGUYỄN THUY NGỌC MINH	03/03/2003	Nữ	9/4	6.25	7	3.5	1.5	28
127	125233	17	PHAN THỊ HỒNG MINH	01/05/2003	Nữ	9/4	6.25	6	3	1	25.5
128	125302	20	HỒ ĐÌNH QUỐC NGUYỄN	12/07/2003	Nam	9/4	5	4	3	0.5	20.5
129	125312	20	NGUYỄN PHẠM THANH NHÀN	26/12/2003	Nữ	9/4	7	4.75	6.25	1.5	32.75
130	125314	1	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG NHÂN	03/07/2003	Nam	9/4	3.75	6.25	5	1.5	25.25
131	125359	2	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	15/04/2003	Nữ	9/4	5.5	6.25	4.75	1.5	28.25
132	125381	3	TRƯƠNG TẤN PHÁT	02/10/2003	Nam	9/4	6.5	5.25	5	0.5	28.75
133	125400	4	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHÚC	17/10/2003	Nam	9/4	5.5	6.25	3.25	0.5	24.25
134	125442	6	NGUYỄN XUÂN QUANG	11/12/2003	Nam	9/4	5.5	5.25	4.75	0.5	26.25
135	125468	7	NGÔ MINH ANH TÀI	05/06/2003	Nam	9/4	5.25	7.5	4.75	3	30.5
136	125487	8	LÊ CHÍ THANH	24/08/2003	Nam	9/4	5.25	4.75	2.75	1	21.75
137	125536	10	HUỶNH NGỌC MINH THU	26/11/2003	Nữ	9/4	4.5	4	3.5	1.5	21.5
138	125546	10	NGUYỄN NGỌC ANH THU	23/07/2003	Nữ	9/4	7	4.5	5	1.5	30
139	125560	11	PHAN TÀI THUẬN	24/02/2003	Nam	9/4	3.75	0.75	2.5	1	14.25
140	125636	14	PHẠM CHÍ TRỌNG	07/02/2003	Nam	9/4	0	0	0	0.5	0.5
141	125650	15	TÔ CHÍ TRUNG	25/07/2003	Nam	9/4	5.5	3.75	3.25	1	22.25
142	125669	15	LÊ THỊ THANH TUYỀN	20/04/2003	Nữ	9/4	5.25	6.25	2.75	1.5	23.75
143	125697	16	HÀ QUANG VINH	24/06/2002	Nam	9/4	0	0	0	0.5	0.5
144	125736	18	LÊ HUỶNH NGỌC YẾN	05/05/2003	Nữ	9/4	5.75	3.25	3.75	1.5	23.75
145	124842	1	TRẦN HOÀNG AN	08/02/2003	Nam	9/5	5.75	7.5	5.25	1	30.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
146	124846	1	NGUYỄN HOÀNG AN	15/11/2002	Nam	9/5	5.5	3.5	4.25	0.5	23.5
147	124854	1	HOÀNG GIA ANH	15/01/2003	Nữ	9/5	7.75	5.25	3.75	1.5	29.75
148	124858	2	LÊ TRUNG TUẤN ANH	19/05/2003	Nam	9/5	6.25	5	4.75	1.5	28.5
149	124936	5	NGUYỄN TÂN DOANH CHÍNH	19/12/2003	Nam	9/5	3.5	8	3.25	1	22.5
150	124944	5	LÊ XUÂN ĐẠI	26/07/2003	Nam	9/5	6.5	5	6	1.5	31.5
151	124981	7	NGUYỄN NHẬT DƯƠNG	29/08/2003	Nam	9/5	5.25	4.25	3.5	1.5	23.25
152	124989	7	HUỖNH ANH DUY	21/03/2003	Nam	9/5	6.75	4.5	6.75	1.5	33
153	125002	8	NGUYỄN THỊ KIM GIÀU	24/11/2003	Nữ	9/5	4.25	1.25	1.75	1	14.25
154	125033	9	LÊ CHÍ HÀO	15/04/2003	Nam	9/5	6.25	6	6.5	1	32.5
155	125044	9	CAO DƯƠNG MINH HIẾU	06/12/2002	Nam	9/5	0	0	0	0	0
156	125051	10	TRẦN THANH HIẾU	01/05/2003	Nam	9/5	5.25	2	2	1	17.5
157	125059	10	PHẠM THÁI HOÀNG	14/04/2003	Nam	9/5	3.25	3.75	2.25	1.5	16.25
158	125080	11	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	11/08/2003	Nữ	9/5	5.5	5.25	4.75	1	26.75
159	125108	12	TRẦN QUỐC HUY	20/10/2003	Nam	9/5	5.75	6.25	4.75	1.5	28.75
160	125190	15	TRẦN GIA LINH	12/03/2003	Nữ	9/5	6	4	5.5	1	28
161	125198	16	HUỖNH TRÍ LONG	19/07/2002	Nam	9/5	5	6.25	3.5	1	24.25
162	125222	17	BÙI HUỖNH NGỌC MINH	18/06/2003	Nam	9/5	5.5	5.75	3.25	1	24.25
163	125251	18	NGUYỄN HOÀNG NAM	27/12/2003	Nam	9/5	6.5	8	6.75	1.5	36
164	125320	1	ĐỖ TRẦN QUANG NHẬT	26/11/2003	Nam	9/5	5	8.25	8	1.5	35.75
165	125353	2	LÊ TÂM NHƯ	12/12/2003	Nữ	9/5	6.25	6	5	1.5	30
166	125363	3	PHAN THỊ QUỲNH NHƯ	31/03/2003	Nữ	9/5	3.25	1.75	3.25	1.5	16.25
167	125371	3	LƯU YẾN OANH	20/03/2003	Nữ	9/5	6	5.25	6.25	1.5	31.25
168	125436	6	NGUYỄN MINH QUẢN	15/04/2003	Nam	9/5	5	4.5	3.75	1	23
169	125443	6	TRẦN CHÂU QUANG	24/05/2003	Nam	9/5	5.75	4.75	3.5	1	24.25
170	125469	7	NGUYỄN HOÀNG PHÚ TÀI	21/06/2003	Nam	9/5	4.5	4.75	6.25	2	28.25
171	125497	8	TRẦN TUẤN THÀNH	05/09/2003	Nam	9/5	7.5	7.25	5.25	1.5	34.25
172	125500	8	HUỖNH HOÀNG THANH THẢO	12/11/2003	Nữ	9/5	7	5.25	5.25	1.5	31.25
173	125555	11	BÙI ĐỨC THUẬN	01/11/2003	Nam	9/5	4.25	4	3.5	0.5	20
174	125563	11	VĂN NGỌC THUY	13/04/2003	Nữ	9/5	6.5	7	7	2.5	36.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
175	125564	11	VĂN PHƯƠNG THÙY	13/04/2003	Nữ	9/5	5	8	6	2	32
176	125616	13	LÂM NGUYỄN NHÀ TRANG	22/05/2003	Nữ	9/5	6.5	3.75	3.25	1.5	24.75
177	125617	13	NGUYỄN ĐÀI PHƯƠNG TRANG	15/10/2003	Nữ	9/5	7.5	6.75	8.75	1.5	40.75
178	125640	14	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	06/12/2003	Nữ	9/5	5.25	3.25	3.75	1	22.25
179	125668	15	NGUYỄN GIA PHÚC TƯỜNG	05/11/2003	Nam	9/5	4.5	5.25	5.75	1	26.75
180	125687	16	NGUYỄN TƯỜNG VÂN	19/08/2003	Nữ	9/5	5.75	3.75	2.75	1.5	22.25
181	125718	17	PHẠM NGỌC TƯỜNG VY	23/04/2003	Nam	9/5	7.25	4.5	4.75	1.5	30
182	125738	18	NGÔ GIA YẾN	20/05/2003	Nữ	9/5	6	4.25	5.5	2	29.25
183	124857	1	LÊ THÙY PHƯƠNG ANH	22/02/2003	Nữ	9/6	6.25	3.25	3.25	1.5	23.75
184	124869	2	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG ANH	10/09/2003	Nam	9/6	4.5	5.5	4.25	1.5	24.5
185	124915	4	TRẦN LÂM BẢO	20/02/2003	Nam	9/6	4	4.25	6.25	1	25.75
186	124917	4	VÕ TRẦN GIA BẢO	30/08/2001	Nam	9/6	3.25	3.25	2.25	0	14.25
187	124918	4	VÕ TRƯƠNG PHƯƠNG BẢO	29/01/2003	Nam	9/6	5.5	3.75	5.5	0.5	26.25
188	124925	4	HUỶNH MINH CHÂU	10/09/2003	Nữ	9/6	5.5	2.25	4.5	2.5	24.75
189	124932	5	LÊ THÙY QUỲNH CHI	06/05/2003	Nữ	9/6	6.5	2.75	4.5	1	25.75
190	124935	5	HỒ MINH CHIẾN	30/09/2003	Nam	9/6	4.5	2.5	5.5	1.5	24
191	124966	6	LÝ THANH ĐIỀN	04/06/2003	Nam	9/6	3.5	5.25	5.25	2	24.75
192	124995	7	TRẦN ANH DUY	10/09/2003	Nam	9/6	6	7.25	5.25	1.5	31.25
193	125039	9	NGUYỄN VĂN HẬU	10/07/2003	Nam	9/6	5.5	2.75	4	1	22.75
194	125063	10	NGUYỄN ANH HỒNG	12/09/2003	Nữ	9/6	6	6.25	5.75	1.5	31.25
195	125072	10	CÁN ĐÌNH QUANG HÙNG	09/03/2003	Nam	9/6	5.5	7.5	6.75	1.5	33.5
196	125157	14	LIÊN GIA KIẾT	07/07/2003	Nam	9/6	6.25	5.5	4.5	1.5	28.5
197	125203	16	PHẠM QUỐC LONG	05/12/2003	Nam	9/6	5.25	5.25	7.5	1.5	32.25
198	125204	16	TRẦN QUÝ LONG	10/12/2003	Nam	9/6	4.5	3.75	3.5	1.5	21.25
199	125246	18	NGUYỄN THẢO MY	31/10/2003	Nữ	9/6	6.75	4.75	5	1.5	29.75
200	125256	18	TRẦN HẢI NAM	16/01/2003	Nam	9/6	6.25	4.25	5	1.5	28.25
201	125309	20	PHAN HỒNG HAI NGUYỆT	05/12/2003	Nữ	9/6	4.25	2.75	2.5	1	17.25
202	125330	1	LÊ THỊ QUỲNH NHI	05/03/2003	Nữ	9/6	6.75	1	2.5	1	20.5
203	125340	2	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	18/08/2003	Nữ	9/6	6	1.75	2.75	1.5	20.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
204	125357	2	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	04/06/2003	Nữ	9/6	7	5.25	5	1.5	30.75
205	125387	4	PHẠM KHẮC PHONG	20/08/2003	Nam	9/6	5.75	2.75	4	1	23.25
206	125413	5	ĐẶNG LƯU HOÀNG PHƯƠNG	02/10/2003	Nữ	9/6	6.25	2.25	2.5	1.5	21.25
207	125435	6	NGUYỄN MINH QUÂN	12/10/2003	Nam	9/6	4.5	4.75	3.5	1	21.75
208	125465	7	ĐÀO ĐĂNG ANH TÀI	26/05/2003	Nam	9/6	5.5	6.75	5.75	2.5	31.75
209	125496	8	TẠ PHÚC THÀNH	18/01/2003	Nam	9/6	5	2.25	4.25	2	22.75
210	125520	9	NGUYỄN TƯỜNG PHÚC THỊNH	22/11/2003	Nam	9/6	5.5	3.5	4	1.5	24
211	125527	9	ĐẶNG LÂM QUỐC THÔNG	15/07/2003	Nam	9/6	5.5	3.25	8.75	1.5	33.25
212	125529	9	VÕ THỊ LỆ THU	16/05/2003	Nữ	9/6	5	2.75	3.5	1.5	21.25
213	125532	10	BÙI NGUYỄN MINH THU	14/12/2003	Nữ	9/6	5.25	7	5.25	1	29
214	125544	10	NGUYỄN HOÀNG ANH THU	19/12/2003	Nữ	9/6	7	5	6.5	1	33
215	125591	12	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	06/12/2003	Nam	9/6	6.75	7.25	5.5	1	32.75
216	125597	12	HƯA ĐỖ NGỌC TRÂM	04/12/2003	Nữ	9/6	5.5	3	3.5	1.5	22.5
217	125598	12	KHUU NGỌC TRÂM	27/09/2003	Nữ	9/6	5	6.25	3.75	1	24.75
218	125603	13	ĐOÀN LÊ BẢO TRẦN	06/06/2003	Nữ	9/6	4.5	2.25	2.75	1	17.75
219	125607	13	LÊ PHƯỚC HUYỀN TRẦN	26/09/2003	Nữ	9/6	6.5	3	4.75	1.5	27
220	125624	13	NGUYỄN MINH TRÍ	13/02/2003	Nam	9/6	4.5	4.25	4	1.5	22.75
221	125652	15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	14/07/2003	Nam	9/6	2.25	2.75	1.5	0.5	10.75
222	125662	15	LÊ PHẠM MINH TUẤN	20/07/2003	Nam	9/6	3.5	2.5	2	0.5	14
223	124866	2	NGÔ NGUYỄN DUY ANH	01/03/2003	Nam	9/7	4.5	4.5	2	1.5	19
224	124872	2	NGUYỄN NGỌC TỬ ANH	24/10/2003	Nữ	9/7	6.5	4.25	6	1.5	30.75
225	124892	3	TRƯƠNG MINH ANH	02/06/2003	Nữ	9/7	6	5.25	5.25	2.5	30.25
226	124894	3	VÕ THÚY ANH	10/11/2003	Nữ	9/7	7	4.5	4.75	1.5	29.5
227	124895	3	VŨ NGỌC HOÀNG ANH	23/09/2003	Nữ	9/7	3.5	2.25	4	1	18.25
228	124906	4	HOÀNG THÁI BẢO	20/02/2003	Nam	9/7	6.25	3.5	6.75	1.5	31
229	124916	4	TRẦN QUỐC BẢO	16/12/2002	Nam	9/7	0	0	0	0	0
230	124930	5	TRIỆU QUÊ CHÂU	27/07/2003	Nữ	9/7	3.5	3.5	2.25	2.5	17.5
231	124948	5	LÊ HẢI ĐĂNG	12/10/2003	Nam	9/7	5.75	5	4	1	25.5
232	124967	6	NGUYỄN TRƯỜNG ĐIỀN	12/10/2003	Nam	9/7	8	5.5	8	1	38.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
233	125014	8	LÊ TRẦN GIA HÂN	20/08/2003	Nữ	9/7	6	5.5	4.75	1.5	28.5
234	125021	8	PHAN THỊ NGỌC HÂN	10/05/2003	Nữ	9/7	5.5	3.75	3.75	1	23.25
235	125026	9	TRỊNH HÀ BẢO HÂN	29/10/2003	Nữ	9/7	6.25	3.75	4.25	1.5	26.25
236	125046	9	HỒ HOÀNG MINH HIẾU	21/08/2003	Nam	9/7	6.5	3	3	1.5	23.5
237	125054	10	CHUNG TẤN HÒA	19/08/2003	Nam	9/7	6.25	8.5	6	1.5	34.5
238	125065	10	PHẠM NGỌC KHÁNH HỒNG	22/12/2003	Nữ	9/7	5.25	4.75	4.5	1.5	25.75
239	125074	11	LONG QUỐC HÙNG	10/10/2003	Nam	9/7	3.5	4.25	5	2.5	23.75
240	125088	11	ĐÌNH GIA HUY	10/10/2003	Nam	9/7	6.25	4.75	8	1	34.25
241	125089	11	ĐÌNH HOÀNG HUY	12/03/2003	Nam	9/7	7	6.25	7.5	1.5	36.75
242	125107	12	TRẦN QUANG HUY	27/11/2003	Nam	9/7	5.75	5.25	4	1	25.75
243	125149	14	PHẠM MINH KHÔI	20/04/2003	Nam	9/7	0	0	0	1	1
244	125161	14	NGUYỄN HOÀNG ANH KIẾT	30/11/2003	Nam	9/7	5	2	2.25	1.5	18
245	125166	14	VƯƠNG TUẤN KIẾT	16/06/2003	Nam	9/7	5.5	6.75	3.5	1	25.75
246	125206	16	VÒNG THIÊN LONG	19/07/2003	Nam	9/7	4.25	7.25	5	2.5	28.25
247	125225	17	LÊ NGỌC MINH	21/06/2003	Nam	9/7	5.25	3.75	4.5	1.5	24.75
248	125244	18	NGUYỄN LÊ GIA MY	23/03/2003	Nữ	9/7	4.25	1.5	2	1	15
249	125300	20	TÙ KIM NGỌC	09/10/2003	Nữ	9/7	5.25	4.75	3.5	2.5	24.75
250	125397	4	LÝ HỒNG PHÚC	31/07/2002	Nam	9/7	3	4	2.5	0.5	15.5
251	125422	5	NGUYỄN HUY PHƯƠNG	30/06/2003	Nam	9/7	4.25	2.5	3.75	1	19.5
252	125429	5	VÕ NGỌC MAI PHƯƠNG	22/11/2003	Nữ	9/7	3.75	3	2.5	0.5	16
253	125470	7	NGUYỄN TẤN TÀI	03/12/2003	Nam	9/7	6.75	4.75	3.5	0.5	25.75
254	125479	7	NGUYỄN THANH TẤN	05/11/2003	Nam	9/7	5.25	4.25	2	1.5	20.25
255	125483	8	VĂN QUỐC THÁI	21/09/2003	Nam	9/7	5.25	2.5	3.5	2	22
256	125484	8	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	15/11/2003	Nam	9/7	6.75	4.5	5.25	1.5	30
257	125488	8	LÊ NGỌC PHƯƠNG THANH	15/07/2003	Nữ	9/7	7.5	5.75	6.5	1.5	35.25
258	125490	8	NGUYỄN THANH THANH	14/11/2002	Nữ	9/7	0	0	0	0.5	0.5
259	125601	12	PHAN THỊ CÁT TRÂM	13/03/2003	Nữ	9/7	5.25	3	2	1.5	19
260	125651	15	ĐẶNG LÊ QUANG TRƯỜNG	03/04/2003	Nam	9/7	4.25	6.5	7	1.5	30.5
261	125695	16	NGUYỄN THANH VIỆT	07/12/2003	Nam	9/7	5.5	4.75	5.25	1.5	27.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
262	125729	18	NGUYỄN TRÍ VỸ	07/06/2003	Nam	9/7	4	2.5	3	0	16.5
263	125732	18	LÊ KHUNG NHƯ Ý	27/02/2003	Nữ	9/7	3.75	3.5	2	1.5	16.5
264	125734	18	CHÂU PHI YÊN	19/05/2003	Nữ	9/7	6	5	5.75	1.5	30
265	124907	4	HỒNG CHÍ BẢO	04/08/2002	Nam	9/8	0	0	0	0.5	0.5
266	124913	4	PHAN HỒNG BẢO	15/05/2003	Nam	9/8	6.75	4.75	5.75	1	30.75
267	124922	4	LƯU VÕ BÌNH	05/12/2003	Nam	9/8	5.75	7.75	6	1.5	32.75
268	124934	5	NGUYỄN THỊ TÚ CHI	13/06/2003	Nữ	9/8	4.75	4.25	4.25	1.5	23.75
269	124959	6	NGUYỄN ĐỖ THÀNH ĐẠT	13/09/2003	Nam	9/8	4.75	3.25	6	1.5	26.25
270	124973	6	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG ĐÔNG	28/11/2003	Nam	9/8	5.75	7	4.5	0.5	28
271	125019	8	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN HÂN	21/09/2001	Nữ	9/8	0	0	0	0	0
272	125037	9	LÊ HOÀNG MINH HẬU	20/05/2003	Nam	9/8	0	0	0	1	1
273	125043	9	ĐỖ ĐẠI HIỆP	27/06/2003	Nam	9/8	5.75	3	3	1.5	22
274	125048	9	NGUYỄN MẠNH HIẾU	06/11/2003	Nam	9/8	6.5	4.25	3.25	1	24.75
275	125052	10	VÕ THANH HIẾU	17/10/2003	Nam	9/8	5	8	6.25	1	31.5
276	125055	10	DANH NGUYỄN HUY HOÀNG	08/02/2003	Nam	9/8	5	3.5	2.25	1	19
277	125056	10	HÀ HUY HOÀNG	21/11/2003	Nam	9/8	6	8.25	3.75	1.5	29.25
278	125099	12	NGUYỄN BÁ NHẬT HUY	14/12/2003	Nam	9/8	4.25	1.25	0.75	0.5	11.75
279	125136	13	CAO ĐỨC KHIÊM	04/10/2003	Nam	9/8	6.25	9.25	6.75	1.5	36.75
280	125142	13	NGUYỄN VĂN KHOA	04/03/2003	Nam	9/8	5.5	7	4.5	1.5	28.5
281	125144	13	TRẦN HOÀNG ĐĂNG KHOA	16/06/2003	Nam	9/8	5.25	7.25	4.75	1.5	28.75
282	125214	16	NGUYỄN ĐÌNH TRÚC MAI	26/06/2003	Nữ	9/8	6.5	5.25	4.25	1.5	28.25
283	125274	19	NGUYỄN HOÀNG XUÂN NGHI	03/09/2003	Nữ	9/8	5	2	3.25	1.5	20
284	125287	19	ĐÌNH NGUYỄN BẢO NGỌC	01/08/2003	Nữ	9/8	5.25	3	2	1	18.5
285	125319	1	VƯƠNG NGUYỄN THIÊN NHÂN	03/10/2003	Nam	9/8	4.5	3.75	2.75	2	20.25
286	125321	1	DƯƠNG MINH NHẬT	16/04/2003	Nam	9/8	4.5	2.75	1.5	2	16.75
287	125342	2	PHẠM NGỌC YẾN NHI	13/06/2003	Nữ	9/8	7.75	4.25	5.25	1.5	31.75
288	125346	2	TRẦN NGUYỄN YẾN NHI	08/03/2003	Nữ	9/8	7.25	2	4	1.5	26
289	125373	3	HUỲNH NGỌC TIÊN PHÁT	19/12/2002	Nam	9/8	5	4	2.75	1.5	21
290	125375	3	NGÔ QUANG PHÁT	18/10/2003	Nam	9/8	5.75	3.75	5.25	1.5	27.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS LẠC HỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
291	125380	3	TRẦN THÀNH PHÁT	13/05/2003	Nam	9/8	5.5	6.75	6.25	1	31.25
292	125406	4	ĐƯƠNG HOÀNG PHỤNG	09/05/2003	Nữ	9/8	5.5	2.75	4.75	2.5	25.75
293	125409	4	TRẦN LÂM TIÊN PHỤNG	28/09/2003	Nữ	9/8	7.75	2.25	5.75	1.5	30.75
294	125438	6	TRƯƠNG NGUYỄN HỒNG QUÂN	27/08/2003	Nam	9/8	2.25	3	3	1	14.5
295	125476	7	GIANG TRẦN PHƯƠNG TÂN	15/05/2003	Nam	9/8	6.75	2.75	1.5	1.5	20.75
296	125526	9	LÊ THỤY KIM THOA	08/05/2003	Nữ	9/8	4.25	4.5	5.25	1.5	25
297	125543	10	NGUYỄN ANH THƯ	28/08/2003	Nữ	9/8	6	4.75	5.75	1.5	29.75
298	125556	11	ĐỖ NGUYỄN PHƯỚC THUẬN	09/12/2003	Nam	9/8	5.5	7.75	2.5	0.5	24.25
299	125567	11	LA ANH THY	15/03/2003	Nữ	9/8	5.75	5.25	3.75	1.5	25.75
300	125600	12	PHẠM THỊ BẢO TRÂM	10/05/2003	Nữ	9/8	5.75	2.5	2.5	2.5	21.5
301	125608	13	LÝ NGỌC BẢO TRẦN	27/07/2003	Nữ	9/8	5.25	3.5	3.5	1.5	22.5
302	125649	14	NGUYỄN VĂN MINH TRUNG	03/09/2003	Nam	9/8	5.75	2.25	6.25	1.5	27.75
303	125672	15	BÙI THỤY MINH UYÊN	16/06/2003	Nữ	9/8	6.5	5.5	2.75	1	25
304	125707	17	HÀ THANH VY	02/10/2002	Nữ	9/8	7	5.25	3.75	1.5	28.25
305	125733	18	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	04/06/2003	Nữ	9/8	4.25	0.75	1	1.5	12.75